TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐIỆN BIÊN** TỈNH ĐIỆN BIÊN	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 140/2020/QĐST-HNGĐ	*Điện Biên, ngày 15 tháng 9 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 222/2020/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 8 năm 2020, giữa:

Nguyên đơn: Chị Lò Thị T, sinh năm: 1989.

Địa chỉ: Tổ M, phường M, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên.

Bị đơn: Anh Lường Văn T, sinh năm: 1986.

Địa chỉ: Bản H, xã N, huyện Đ, tỉnh Điện Biên.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55; Điều 58 và Điều 117 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 07 tháng 9 năm 2020.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 07 tháng 9 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Lò Thị T và anh Lường Văn T.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lò Thị T và anh Lường Văn T thuận tình ly hôn.

2.2. Về con chung: Chị Lò Thị T được quyền trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng con chung Lường Hương Th, sinh ngày 09/10/2014 đến khi thành niên và có khả năng lao động hoặc có thay đổi khác, Anh T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng Chị Th mức cấp dưỡng là 1.000.000 đồng/1 tháng. Phương thức cấp dưỡng được thực hiện định kỳ hàng tháng. Thời điểm cấp dưỡng là từ ngày 01/10/2020 cho đến khi con chung thành niên và có khả năng lao động.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, trong trường hợp có yêu cầu của

cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Kể từ ngày Chị Th có đơn yêu cầu thi hành án nếu Anh T không tự nguyện thi hành đối với khoản cấp dưỡng thì Anh T phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo quy định tại Điều 468/BLDS năm 2015.

2.3. Về quan hệ tài sản:

Tài sản riêng; Tài sản chung; Nợ lấy về; Diện tích ruộng, nương: Không có.

Nợ phải trả: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.4. Về án phí: Căn cứ Khoản 4 Điều 147/BLTTDS năm 2015; Điểm a khoản 5, Điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH: Chị Th và Anh T mỗi người phải chịu 75.000 đồng án phí DSST nhưng Chị Th tự nguyện chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là 150.000 đồng. Anh T phải chịu 150.000 đồng án phí DSST của người có nghĩa vụ cấp dưỡng nhưng Chị Th tự nguyện chịu thay Anh T. Tổng số tiền án phí dân sự sơ thẩm Chị Th phải nộp là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm Chị Th đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Điện Biên theo biên lai thu tiền số: AA/2020/0000752 ngày 13/8/2020, Chị Th đã nộp đủ án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Căn cứ Điều 26 Luật Thi hành án dân sự báo cho người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự biết: Trong trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Điện Biên;
- VKSND huyện ĐB;
- Chi cục THADS huyện Đ.B;
- UBND xã M;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Đặng Thị Thùy Dương